

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 179/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Lê Văn Lâu

2) Bà Đoàn Thị Thoa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 471/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Trần Như T**, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Trọng T**, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Trần Như T trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng T do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2003. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 ngày 25/7/2005 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ

đầu năm 2010 đến nay anh T có nhiều thay đổi thay, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không còn hạnh phúc. Mặc dù chị T nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện vợ chồng đã ly thân, tình cảm không còn khả năng hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 01/10/2010. Hiện các con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Trần Như T và anh Nguyễn Trọng T là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa chị Nguyễn Trần Như T và anh Nguyễn Trọng T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 ngày 25/7/2005 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống hôn nhân của anh và chị đã không còn hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Đối với anh T, từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đã không đến dự theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn mà chị T đưa ra. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn đối với cuộc hôn nhân này. Tại phiên tòa, chị T khẳng định không còn tình cảm với anh T, không mong muốn đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T khai có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 01/10/2010. Hiện các con đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong các bản tự khai trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Anh T và cháu Nguyễn Hữu T thì hiện tại các cháu đang sống cùng chị T, cuộc sống ổn định, điều kiện sống tốt, các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Ngoài ra, tại biên bản xác nhận ngày 11/7/2018 của chính quyền địa phương ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T về nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của hai bên thì hiện tại chị T đủ điều kiện nuôi con, đối với anh T chính quyền địa phương không rõ cuộc sống hiện tại cũng như điều kiện kinh tế của anh. Bản thân anh T cũng không có văn bản thể hiện nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung, nghĩ nên tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T và Nguyễn Hữu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần Như T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Trần Như T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T;

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 01/10/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu;

Anh T có nghĩa vụ và quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Nguyễn Trần Như T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08870 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Như T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Bị đơn anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THA huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Lê Trần Xuân Văn